

Bồ thí Ba-la-mật
Thích Trí Siêu

Phần I

2. Bồ Tát Đạo

I. Bồ Tát Đạo

Định nghĩa Bồ Tát.

Bồ Tát là nói tắt của Bồ Đề Tát Đỏa tức Bodhisattva (Sanskrit). Bodhi là giác, Sattva là hữu tình. Bodhisattva có nghĩa là người giác ngộ. Nói như vậy thì hơi mơ hồ, vì đức Phật cũng là người giác ngộ, A-La-Hán cũng là người giác ngộ, vậy Bồ Tát khác Phật, khác A-La-hán chỗ nào? Có nhiều lối giải thích:

1. Trên phương diện độ sanh: A La Hán tự độ (độ mình), Bồ Tát độ tha (độ người), còn Phật là giác hạnh viên mãn (độ mình và độ người đã xong).

2. Trên phương diện phát nguyện thì:

- A La Hán chỉ cầu thoát khỏi sinh tử luân hồi.

- Bồ Tát là người phát tâm cầu thành Phật để độ tất cả chúng sinh thoát khỏi sinh tử luân hồi. Trên quảng đường từ lúc mới phát Bồ đề tâm (Bodhicitta) cho đến lúc thành Phật thì gọi là Bồ Tát.

3. Trên phương diện chứng đắc thì:

- A La Hán đã phá được ngã chấp, tức chứng được 'ngã không' (Sattvāsūnyatā), không còn chấp vào một cái Ta (Atman) hiện hữu.

- Bồ Tát cũng chứng được 'ngã không', nhưng chưa hoàn toàn được 'pháp không' (Dharmasūnyatā).

- Phật thì đã phá hoàn toàn ngã chấp và pháp chấp, tức là thấy được thực tướng của vạn pháp, thấy được các pháp không sinh (anuppanna), không diệt (anirudha).

4. Trên phương diện tu trì:

- A La Hán tu theo Tứ Đế, ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

- Bồ Tát hành Lục độ (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ).

- Phật thì cũng giống như Bồ Tát nhưng đã tới đích. Trên đây chỉ là khái lược sơ về sự khác biệt giữa Phật, Bồ Tát và A La Hán.

Chúng ta là hàng Sơ phát tâm Bồ Tát thì cần chú trọng nhiều về hai phương diện phát nguyện và tu trì. Phát nguyện là phát Bồ đề tâm tức tâm nguyện thành Phật để cứu độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử luân hồi, còn tu trì là luôn luôn tìm mọi cách để thực hành Lục độ.

II. Tầm quan trọng của phát nguyện và hồi hướng

Trong đạo Phật, ta thường nghe nói về Tam Độc tức là lòng ham muốn, giận tức và si mê, chúng trôi buốt ta trong vòng sinh tử luân hồi. Và muốn giải thoát thì ta phải dẹp trừ chúng bằng cách bớt ham muốn, mở rộng lòng từ bi, trau dồi giáo lý Phật Pháp. Do hiểu như vậy, Onền nhiều người trong chúng ta không dám mong cầu gì cả, đến chùa tụng Kinh cho vui vậy thôi chứ không thành tâm phát nguyện và hồi hướng (trong các thời Kinh ở chùa đều có văn phát nguyện và hồi hướng, nhưng vì không chú tâm hoặc không hiểu nên gọi là không thành tâm), khi bỏ thì thì bỏ vậy thôi chứ không nghĩ gì hết. Rồi ta cho như vậy là đúng, vì trong Thiên Tông thường nói giữ 'Tâm Không', nên ta không dám nghĩ, không dám mong cầu gì hết, chỉ giữ Tâm Không thôi. Nếu ta cứ làm như vậy hoài thì kiếp sau ta sẽ đầu thai thành cục đá bên lề đường, vì cục đá cũng có Tâm Không, vô tri vô giác, không nghĩ, không biết gì cả. Cõi Ta Bà mà chúng ta đang ở đây thuộc về cõi Dục. Chúng sanh ở đây luôn luôn ham muốn, ham muốn ngũ dục: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ ấm. Nhưng chúng ta quên mất một điều là tất cả chư Phật đều thị hiện thành Phật ở cõi này, chứ không thành Phật ở hai cõi Sắc và Vô Sắc. Đức Phật dạy ta lìa bỏ ngũ dục chứ đâu có dạy ta lìa bỏ Niết Bàn dục (tức lòng ham muốn đạt được Niết Bàn). Ở đời, khi làm một việc gì thì ta thường có lý do và mục đích. Lúc nhỏ ta cắp sách đến trường, lý do là cha mẹ ta muốn cho ta nên người. Mục đích của sự học là để được bằng tú tài. Có tú tài để được vào Đại Học. Vào Đại Học mấy năm để có được một văn bằng (diplôme). Có văn bằng để đi ra làm việc. Làm việc để có tiền. Có tiền để nuôi thân hoặc nuôi gia đình,... Tất cả những cái 'để' đó đều là mục đích của những hành động và việc làm của ta. Khi có mục đích là có sự mong cầu. Sự mong cầu hay ham muốn được xem là tốt hay xấu tùy theo mục đích của nó tức là đối tượng của sự mong cầu. Nếu ta ham muốn ngũ dục thì đó là xấu vì kết quả là ta sẽ đau khổ, ngược lại nếu ta ham muốn học đạo, tu đạo, thì đó là một sự ham muốn tốt vì kết quả là ta sẽ giải thoát, hưởng sự an vui của Niết Bàn. Khi ta ham muốn vừa vừa thì gọi là mong cầu, khi ta hết lòng ham muốn và quyết chí đạt cho được mục đích thì gọi là nguyện. Tất cả chư Phật và Bồ Tát đều là những người đã mong cầu, đã phát nguyện năm xưa. Ta há không nhớ Đức Phật Thích Ca đã phát nguyện gì dưới gốc cây Bồ Đề? Ngài nguyện: 'Dù máu khô, thịt nát, xương tan, nếu không giác ngộ (thành Phật) ta thề không rời khỏi nơi đây.'

Ngoài ra đọc trong Túc Sanh Truyện (Jataka) kể về các tiền thân của đức Phật, ta sẽ thấy là mỗi khi làm một hạnh gì, ngài đều phát nguyện và hồi hướng. Phát nguyện cầu thành Phật để cứu độ chúng sanh và hồi hướng tất cả công đức cho quá vị Phật.

Hồi hướng là gì?

Là gom góp tất cả để đặt vào một chỗ. Người làm phước nhiều mà không biết hồi hướng sẽ giống như người đi làm cho có thật nhiều tiền đem về chất đầy nhà, rồi không biết làm gì với đồng tiền đó.

Hãy lấy một thí dụ:

1. Ta đến chùa làm một việc công đức, mà trong tâm ta luôn luôn nghĩ đến sự giàu sang sung sướng, thì kiếp sau ta sẽ được giàu sang sung sướng.
2. Cũng một việc công đức đó, mà ta hồi hướng được giải thoát sinh tử luân hồi, thì trong những kiếp sau ta sẽ được giải thoát khỏi sinh tử luân hồi.
3. Cũng một việc công đức đó, mà ta hồi hướng cầu thành Phật thì chắc chắn một kiếp xa xôi nào đó ta sẽ thành Phật.

Tại sao trong thí dụ (1) nói kiếp sau, thí dụ (2) nói những kiếp sau, và thí dụ (3) nói một kiếp xa xôi, ý nghĩa là sao?

Thí dụ (1) nói về sự giàu sang sung sướng ví như một cái áo bành tô (manteau) trị giá 700 ngàn. Thí dụ (2) nói về sự giải thoát sinh tử luân hồi ví như một chiếc xe hơi trị giá 70.000 ngàn. Thí dụ (3) nói về sự cầu thành Phật ví như một căn nhà villa trị giá 700.000 ngàn.

Nếu ta đi làm lương một tháng là 5000 quan, và trong đầu ta không có một mục đích gì cả, thì khi đi đường, nếu thấy một cái áo bành tô đẹp, vừa giá ta có thể mua được thì ta mua ngay không chần chừ.

Cũng với số lương đó mà ta muốn có một chiếc xe hơi thì ta phải dành dụm năm này qua năm nọ, không dám lấy tiền lương xài vào việc khác như mua quần áo, thì khoảng vài năm là ta có thể có được một chiếc xe hơi.

Cũng với số lương đó mà ta muốn có một căn nhà villa thì ta phải dành dụm lâu hơn nữa vì lương của ta quá ít so với giá tiền của cái nhà. Do đó ta phải gom góp dành dụm tiền lương không dám xài hoang phí vào việc khác, mà cốt chỉ để mua nhà. Vậy thì khoảng hai mươi năm hay hơn nữa ta mới hoàn toàn làm chủ cái nhà (vì ở bên Pháp cho trả Crédit).

Sau ba thí dụ trên, ta thấy rằng cùng cùng một hành động (karman) cùng một nhân (hetu) mà có quả báo khác nhau. Đó là do tâm hồi hướng mà ra. Nếu ta tạo công đức nhiều mà không biết hồi hướng thì uổng lắm, vì sao? Dĩ nhiên là khi tạo công đức thì chắc chắn ta sẽ gặp quả báo tốt, nhưng uổng vì đó là quả báo hữu lậu của thế gian, sau một thời gian ta sẽ còn lại hai bàn tay trắng mà thôi.

Nếu thấy được tầm quan trọng của sự phát nguyện và hồi hướng thì sau này : trước khi, trong khi, và sau khi làm một việc gì tốt ta nên phát nguyện và hồi hướng. Và hơn nữa khi ta gặp một việc công đức nào ta sẽ vui mừng vì đó là một cơ hội cho ta tiến mau đến mục đích (nếu là trường hợp ta thích xe hơi hoặc căn nhà, mà không thích áo bành tô).

Vậy theo ta hiểu thì Bồ Tát là phải nhớ đến Bồ đề tâm, nhớ phát nguyện và hồi hướng cầu thành Phật, nhưng không hiểu tại sao khi ta đọc Tâm Kinh thì thấy trong đó có nói câu 'vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố'. Lúc đó ta nên khởi tâm nghĩ như vậy : Bồ Tát Quán Tự Tại là bậc Diệu Giác Bồ Tát, còn ta đây là Bảo thai Bồ Tát (Bồ Tát còn nằm trong bụng mẹ). Hơn nữa Quán Tự Tại Bồ Tát đã hiểu, đã thấy, đã chứng được tánh Không, tức thực tướng của vạn pháp, còn ta đây không biết cái gì là phải cái gì là trái, cái gì tốt cái gì xấu, cái gì là Từ Bi cái gì là ác độc, nói chi đến tánh Không với tánh Có. Ta đừng làm giống như người đang đi trên sông, thấy người khác đến bờ vứt bỏ con thuyền, mà ở đây ta cũng vội vàng lấy búa ra đập thủng thuyền của mình. Ta phải luôn luôn ý thức nhìn lại xem mình là ai? Em bé lên 3, thanh niên 20, hay ông lão 70. Nếu là em bé lên 3 thì ta hãy vui vẻ tập đi, không nên bắt chước lấy cây gậy của ông già bảy mươi mà chết sớm. Còn ngược lại nếu thấy mình là ông lão bảy mươi thì ta cứ việc 'vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố', không ai cấm cản vì đạo Phật là đạo tự giác không có bắt buộc hay độc tài.

Sau khi hiểu được sự phát Bồ đề tâm cũng như sự phát nguyện và hồi hướng của Bồ Tát, ta bước sang phần thực hành của Bồ Tát tức Lục Độ.

À, hình như chúng ta quên mất một điều, là không biết tại sao Bồ Tát lại phát Bồ đề tâm? Mục đích của Bồ đề tâm là thành Phật cứu độ chúng sanh, nhưng lý do và căn nguyên của sự phát Bồ đề tâm là gì? Bồ Tát phát Bồ đề tâm, lý do vì Bồ Tát thấy chúng sanh đau khổ nên muốn cứu khổ chúng sanh, muốn cứu khổ chúng sanh nên mới cầu thành Phật tức cầu sự giác ngộ hoàn toàn.

Bồ Tát là những người ý thức được sự đau khổ của cuộc đời, thấy rõ được sự bất công, sự đàn áp, bóc lột, lợi dụng, tàn hoại, ác độc của chính con người tạo cho con người. Nếu Bồ Tát chỉ ngồi một chỗ, cần gì hô lên một tiếng, có người đem đến dâng cho, thì Bồ Tát khó ý thức được sự khổ hạnh, đổ mồ hôi sôi nước mắt của người dâng cho mình. Nếu không tự thân chứng nghiệm đau khổ, thì ít nhất Bồ Tát cũng tập ý thức sự có mặt của đau khổ nơi mọi loài. Vì có đau khổ nên mới có đạo Phật, nếu không có đau khổ thì không có đạo Phật. Bồ Tát ý thức được sự đau khổ không phải để sợ hãi, mà là để nuôi dưỡng lòng từ bi của mình. Bồ đề tâm của Bồ Tát cũng ví như ngọn lửa được đốt bằng dầu đau khổ. Nếu không có dầu đau khổ thì ngọn lửa Bồ đề tâm sẽ tắt. Do đó đối với Tứ Diệu Đế, Bồ Tát đã thấu triệt hoàn toàn. Nếu chúng ta muốn đi theo con đường của Bồ Tát thì chúng ta cũng cần phải học cho thông suốt Tứ Diệu Đế, nếu không được thì ít nhất chúng ta cũng cần phải hiểu được 'Nhị diệu đế' tức là hai Diệu đế đầu: Khổ Đế và Tập Đế. Và sau khi hiểu rõ rồi

thì ta hãy tiến bước trên Bồ Tát đạo, nếu không như thế thì ta chỉ là 'danh tự Bồ Tát', tức là ta đến chùa thọ bồ tát giới cho vui mà thôi.

Sau khi hiểu được nguyên nhân và mục đích của Bồ Tát, ta bước sang con đường đi của Bồ Tát, tức Bồ Tát đạo (Bodhisattvamārga).

Bồ Tát đạo thường được biểu hiện qua Lục độ, tức sáu hạnh, còn gọi là Lục Ba La Mật (Pāramitā) gồm có: Bố thí (Dāna), Trì giới (Śīla), Nhẫn nhục (Kṣānti), Tinh tấn (Vīrya), Thiền định (Dhyāna), Trí tuệ (Prajñā). Pāramitā dịch âm là Ba La Mật Đa, dịch chữ là Đáo Bỉ Ngạn có nghĩa là đến bờ bên kia. Lục Ba La Mật là sáu phương tiện có khả năng đưa (độ) Bồ Tát sang đến bờ bên kia là bờ Đại Giác, tức Phật.

Trong phạm vi nhỏ hẹp, sách này chỉ xin nói về Bồ thí Ba la mật thôi. Vì bồ thí đúng với ý nghĩa của nó thì nó bao gồm cả sáu Ba la mật, nếu không thì nhiều khi nó cũng không được gọi là Bồ thí nữa.

-oOo-

3. Bồ thí là gì?

I. Bồ thí là gì?

Bồ thí là hạnh đầu tiên trong sáu hạnh của Bồ Tát. Nguyên âm chữ Phạn là Dāna có nghĩa là sự cho, dịch sang tiếng Hán Việt là Bồ thí. Bồ là khắp, thí là cho. Bồ thí là cho khắp tất cả. Nếu nói như vậy thì hơi đơn giản và mơ hồ. Vì cho khắp tất cả có nghĩa là cho khắp tất cả những gì mình có, hay cho khắp tất cả chúng sinh?

Khi ta đi đường gặp một kẻ nghèo khó đứng xin ăn, ta lấy năm đồng hay một cục ra cho họ, thì ta gọi đó là bồ thí cho kẻ nghèo. Trong gia đình khi ta cho con cái vật gì thì ta chỉ gọi đó là cho. Đối với những người có địa vị xã hội cao hơn ta, hay đối với hàng ông bà chú bác thì ta không gọi là cho mà gọi là Tặng hay Biếu. Rồi khi vào chùa đối với Tam Bảo ta lại có tiếng gọi khác là cúng dường. Cũng là một hành động cho mà lại có nhiều tên gọi khác nhau vì đó là tùy ở nơi đối tượng của sự cho, tức là người nhận. Mùa Xuân Tết đến, ta không thể đem một món quà đến gặp ông chủ của mình mà nói rằng: 'Tôi xin bồ thí cho ông chủ món quà', hoặc gặp một vị Thầy ta nói: 'Con xin bồ thí cho Thầy', hoặc ta cũng không thể nói: 'Ba cúng dường cho con một hộp bánh', v...v... Tiếng Việt của ta rắc rối lắm, không phải dễ dàng đâu! Nếu không chú ý cẩn thận một chút là ta có thể gây phiền phức cho chính mình và cả người khác nữa.

Như ta đã thấy Bồ thí gồm có nhiều nghĩa: cho, tặng, biếu, cúng dường, bồ thí. Nhưng để giản tiện bớt cho những trang sau, ta tạm gọi tất cả những cái đó là Bồ thí.

II. Vì sao phải bồ thí?

Vì Bồ thí đem lại nhiều lợi ích sau đây : Bồ thí là một kho tàng phước đức luôn luôn đi theo người chủ (tức người cho) đời này sang đời khác; bồ thí xây dựng hạnh phúc và tiêu trừ đau khổ; người biết bồ thí thì ai cũng thương mến; bồ thí làm cho tâm (người cho) được an vui, khi gần chết tâm không sợ hãi; bồ thí tiêu trừ lòng tham lam bòn xén; người biết bồ thí thì chừ Thiên ủng hộ; bồ thí là con đường trong sạch mà tất cả Thánh nhân đều đã đi qua; bồ thí là một thiện nghiệp sẽ cho ra quả báo tốt; bồ thí là hành động của những người hùng; bồ thí sẽ tiêu trừ sự nghèo và đóng cửa dẫn đến ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh); bồ thí giữ gìn công đức; bồ thí là điều kiện đầu tiên của con đường dẫn đến Niết Bàn; bồ thí là gốc rễ của tất cả thiện pháp; bồ thí là nhà ở của những người cao quý, là thú vui của những bậc Thánh (Arya) và Vi nhân; bồ thí là một cái gương sáng đáng để cho những người thiếu phước đức và trí huệ noi theo.

** Người trí và người ngu trong cuộc hỏa hoạn.*

Khi có một cuộc hỏa hoạn, người có trí khôn biết nhận xét xem lửa có thể lan đến nhà mình hay không? Nếu có thì vội vàng tháo gó góp tài sản dời đi chỗ khác yên ổn trước khi lửa

cháy tới. Đến khi lửa lan tới và mặc dù căn nhà của mình bị cháy tiêu rụi, nhưng người ấy vẫn còn nguyên những gì quý giá, và nhờ đó có thể xây cất lại căn nhà khác. Cũng như thế, người trí biết được cái thân xác của mình rất mong manh dễ tan, và của cải vật chất cũng vậy nay còn mai mất, thừa dịp tốt lúc thân xác và của cải chưa mất, người ấy trau dồi tích tụ công đức bằng thực hành bố thí, cũng giống như người khôn biết thu nhận hạt đỗ vật quý giá trước khi nhà cháy; và trong những kiếp sau người ấy (người bố thí) sẽ được hưởng lại sự bố thí do phước báo đã tạo, giống như người khôn xây lại căn nhà mới vậy.

Ngược lại, cũng trong một cuộc hỏa hoạn, người ngu không biết làm gì, chỉ vì tham lam không muốn rời bỏ căn nhà; đến khi lửa cháy tới nơi, hoảng hốt lo chạy thoát thân một mình, không đem theo được đồ vật nào cả; người này không có trí khôn nhận xét được sự lan tràn nhanh chóng của lửa (nhất là khi có gió to), để rời dưới sức gió mãnh liệt và ngọn lửa vô tình, căn nhà của mình chỉ trong vài phút là cháy rụi ra tro. Tệ hơn nữa là chờ đến giờ phút chót mới lo chạy thoát thân nên không đem theo được tài sản nào hết. Do đó sau cuộc hỏa hoạn, người này phải chịu đói khát, chịu nóng lạnh và sống cực khổ cho đến hết cuộc đời. Trường hợp của một người tham lam, bòn xén, keo kiệt cũng giống như người ngu vừa kể trên, tức là không biết rằng thân xác, của cải và mạng sống rất mong manh, dễ tan nay còn mai mất, không thể nào giữ mãi mãi được, chỉ trong một tích tắc đồng hồ thôi là có thể tiêu tan mất hết. Vì không biết được như vậy nên trong suốt cuộc đời, người ngu chỉ chú ý đầu vào việc tích tụ của cải, vơ vét tiền bạc, rồi bảo vệ, giữ gìn chúng một cách tham lam ích kỷ. Nhưng rồi bất thành linh một ngày nào đó 'Thần chết' đến gõ cửa nắm đầu lôi đi (không thể từ chối được). Xác thân tứ đại này tan rã trở về với đất rừng, những của cải, tài sản khô công tích tụ đều phải bỏ lại không đem theo được, và kiếp sau tái sinh trong cảnh nghèo khổ, đói rét giống như người ngu hoảng hốt trong cơn hỏa hoạn vậy.

Người trí, rộng lượng biết được rằng: khi bố thí cho người khác tức là làm lợi ích cho chính mình. Ngược lại người ngu, bần tiện, không biết được rằng: nếu không bố thí hay giúp đỡ người khác tức là chừa làm được lợi ích gì cho chính mình cả.

-oOo-

4. Bố thí có mấy loại?

Nếu ta là người học Phật lâu năm ta sẽ nhanh nhẹn trả lời rằng có 3 loại:

- 1) Tài thí: tức bố thí tiền.
- 2) Pháp thí: tức bố thí pháp.
- 3) Vô úy thí: tức bố thí sự không sợ hãi.

Trả lời như vậy xong, ta yên chí cho là mình đã hiểu xong Bố thí Ba La Mật, rồi ta bỏ qua, đi lấy Kinh Hoa Nghiêm ra đọc, hoặc lấy sách Tô Sư Thiên ra coi. Nhưng than ôi! Ta đã lầm to, Bố thí Ba La Mật đâu phải chỉ có bấy nhiêu thôi!

Khi nói đến sự bố thí, thì ta nhận ra có ba yếu tố tạo ra nó, đó là: người cho (năng thí), món đồ (vật thí), và người nhận (sở thí).

Ba món Bố thí mà ta vừa kể trên (Tài, Pháp, Vô úy) thuộc về vật thí. Còn người cho và người nhận, ta đã sơ xuất bỏ quên. Ba yếu tố cho ra sự Bố thí quan trọng lắm, nếu thiếu một trong ba cái đó thì sẽ không có sự Bố thí.

Có người cầm trong tay một món đồ muốn cho mà không có ai nhận thì không có sự bố thí. Có món đồ mà không có người cho và người nhận thì cũng không có sự bố thí. Có người sẵn sàng nhận đồ mà không có ai cho thì cũng không có sự bố thí.

Nếu muốn phân loại thì ta phải căn cứ trên ba yếu tố của sự Bố thí mà phân loại:

- Trên phương diện người cho (dayaka) thì có hai loại: Bồ thí trong sạch (visuddhadāna) và không trong sạch (avisudha).

- Trên phương diện vật thí (deya) thì có ba loại: Tài thí (Dravyadāna), Pháp thí (Dharmadāna) và Vô úy thí (Abhayadāna).

- Trên phương diện người nhận (tức đối tượng của sự bố thí), còn được gọi là ruộng phước (phước điền) thì có hai loại: ruộng phước nhỏ (karuṇāpunyaksetra) và ruộng phước lớn (satkārapunyaksetra).

Trên đây chỉ là tạm phân loại tổng quát thôi, vì mỗi loại lại được phân ra làm các phần nhỏ nữa mà ta sẽ đi sâu vào chi tiết sau.

I. Trên phương diện người thí

Có hai loại bố thí: Trong sạch và không trong sạch.

1) Thế nào là bố thí không trong sạch?

Đó là bố thí vì: tư lợi, bắt kính, chán ghét, yếu hèn, muốn dụ dỗ, sợ chết, muốn chọc tức, ghen tức, ganh đua, kiêu ngạo, cầu danh, tránh né sự nguy hiểm, muốn mê hoặc lòng người,... Tóm lại bố thí vì một cái tâm xấu xa, không nghĩ đến sự an vui hay lợi ích cho người nhận.

2) Thế nào là bố thí trong sạch?

Nói một cách giản dị, đó là sự bố thí có tánh cách ngược lại những gì đã tả ở phần trên. Còn có nghĩa là Bồ thí mà muốn đem lại lợi ích cho người nhận.

Vừa kể trên là sự bố thí trong sạch cho tất cả mọi người. Riêng cho Phật tử thì Bồ thí trong sạch còn có nghĩa là bồi đắp công đức cho sự giải thoát, tức Niết Bàn (Nirvāna).

Phải bồi đắp cách nào? Bằng cách bố thí với tâm trong sạch, không cầu phước báo của Trời (Deva), người (Manusya), không cầu sự sung sướng trong đời này và đời sau, chỉ cầu giải thoát của Niết Bàn, bố thí với tâm lòng cung kính (satkāra) hoặc từ bi (maitrikarūna). Trong lúc chưa chứng được hoàn toàn quả Niết Bàn, ta vẫn tái sinh ở cảnh an vui của Trời, người (mặc dù không có ý cầu), đó là do nghiệp báo tốt của sự bố thí trong sạch. Đức Phật có nói rằng: "Trên đời này có hai hạng người rất là hiếm có: 1) Một vị Tỷ Khuru đã hoàn toàn giải thoát trong số các tu sĩ lang thang (pravajita); 2) Một người biết bố thí trong sạch trong số các cư sĩ tại gia" (Anguttara I).

II. Trên phương diện vật thí

Có ba loại: Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

Trong mỗi loại trên lại chia ra: chân chính và không chân chính.

1) Tài thí

Tài thí lại chia ra hai loại: Ngoại thí và Nội thí.

a) Ngoại thí (bāhyadāna): Ngoại thí là bố thí những đồ vật bên ngoài như: vàng, bạc, của cải, quần áo, đồ ăn thức uống...

b) Nội thí (ādhyātṃika): Nội thí là bố thí những gì trong thân thể con người chúng ta; như xưa kia đức Phật còn làm Bồ Tát đã bố thí đầu, mắt, chân, tay... Ngày nay ta không làm nổi như vậy thì ta có thể ra công giúp sức như làm công quả cho chùa, kéo xe cho người già, v...v... Hoặc tiếp máu cho bệnh nhân ở nhà thương, hoặc ký giấy cho những bộ phận trong thân thể mình nếu bị chết bất đắc kỳ tử.

c) Tài thí chân chính: là những đồ vật được bố thí không phải do từ trộm cắp hay cướp giết. Nếu ngược lại là tài thí không chân chính.

Ngoài ra nếu ta bỏ thí trong những trường hợp sau đây thì phước báo sẽ tăng lên gấp bội:

1. Bỏ thí đúng lúc. Có nghĩa là bỏ thí cho: những người đi xa, người từ xa mới đến, người bệnh, người trông coi kẻ bệnh, trong những mùa giá lạnh.
2. Bỏ thí luôn luôn mà không thấy mệt mỏi hay chán nản.
3. Bỏ thí tùy theo sở thích của người xin.
4. Bỏ thí những vật quý giá.
5. Bỏ thí cho những người làm việc cho Chùa, làm vườn, đào nương ...
6. Bỏ thí cho chư Tăng.
7. Bỏ thí mà kính trọng người nhận.
8. Bỏ thí cho những người có đức hạnh.
9. Bỏ thí tất cả những gì mà mình có.

*** Sự bỏ thí toàn vẹn của Họa sĩ Karna (Sūtralamkara).**

Thuở đó ở làng Puskaravāvatī có một người họa sĩ tên là Karna. Vì làm ăn không khá nên anh ta đã từ già gia đình vợ con, lên đường một mình sang nước lân cận là Taksasīla. Nơi đây anh ta tận tụy làm việc, kết quả là sau mười hai năm, anh ta đã dành dụm được ba chục đồng tiền vàng. Hớn hờ, anh ta trở về quê cũ, trên đường về làng nghe thấy một hồi chuông trống báo hiệu sắp có một cuộc hội họp quan trọng của Chư Tăng, thế là anh ta lặn mò đến. Với một đức tin trong sạch anh đi gặp vị Tăng Tri sự (tức vị Tăng phân phối chỉ huy buổi họp) mà hỏi rằng: 'Thưa ngài, buổi họp như vậy nếu kéo dài một ngày thì phải cần chi phí bao nhiêu để có thể cúng dường (vật thực) đầy đủ cho chư Tăng?' Vị Tăng Tri sự trả lời: 'Khoảng ba mươi đồng vàng thì đủ cho một ngày'. Nghe vậy xong, anh liền móc túi lấy ra ba mươi đồng vàng đưa hết cho vị Tri sự mà thưa rằng: 'Con xin thành tâm, dâng cúng vật thực một ngày cho chư Tăng'. Sau đó anh ta trở về nhà với hai bàn tay trắng.

Về đến nhà, vợ anh mừng rỡ chạy ra đón và hỏi: 'Trong suốt mười hai năm anh đã làm được bao nhiêu tiền?' Anh ta trả lời: 'Được ba mươi đồng vàng'. Vợ anh hỏi tiếp: 'Thế ba mươi đồng vàng đâu anh hãy cho xem?' Anh ta nói: 'Tôi đã gieo tất cả vào một ruộng phước (punyaksetra) rồi'. Vợ anh hỏi ruộng phước nào thì anh trả lời: 'Tôi đã cúng dường hết cho Giáo đoàn Tăng Già (Saṅgha)'. Vừa nghe như vậy xong, người vợ liền nổi giận la hét mắng chửi và đánh đập anh, rồi lôi kéo anh ra tòa nhờ quan trọng xét xử và trừng phạt anh. Ra đến tòa, quan hỏi có chuyện gì thì vợ anh thưa rằng: 'Chồng tôi là một tên khùng nặng ! Trong suốt mười hai năm trời đi làm ở nước ngoài, dành dụm được ba mươi đồng vàng. Nhưng về đến đây không biết nghĩ và thương hại đến vợ con, nên chồng tôi đã phung phí, cho người ta hết không còn đồng nào. Chiều theo pháp luật, tôi lôi anh ta đến đây xin quan trên xét xử'. Quan tòa hỏi người chồng: 'Tại sao anh lại đưa cho người ta hết thay vì đem về đưa cho vợ con?' Anh trả lời: 'Trong những kiếp sống trước của tôi, tôi đã không biết làm các hạnh lành, vì thế nên trong kiếp này tôi phải chịu cảnh nghèo và cực khổ. Nhưng cũng trong kiếp này, tôi có duyên may gặp được một ruộng phước, và nếu tôi không nắm lấy cơ hội gieo vào đó những hạt giống lành, thì chắc chắn trong những kiếp vị lai tôi sẽ phải chịu mãi mãi cảnh nghèo khổ không biết đến bao giờ mới hết. Vì muốn thoát khỏi cảnh nghèo khổ nên ngày hôm nay tôi đã cúng dường hết số vàng của tôi cho đoàn Tăng Già'.

Vị quan tòa này lại là một Ưu bà tắc (Upāsaka), có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, nên sau khi nghe anh họa sĩ trả lời như thế, liền hết lòng tán thán: 'Việc làm của anh quả thật là cao thượng, anh đã biết bỏ thí toàn vẹn cho Giáo đoàn số tiền dành dụm được sau bao năm làm lụng cực khổ. Thật là cao quý, tôi đây thiệt không bằng'. Thế rồi vị quan tòa liền tháo cái vòng ngọc đang đeo ở cổ đưa tặng anh ta, cùng lúc cho anh ta con ngựa của mình đang cưỡi và một làng nhỏ. Rồi cuối cùng quan tòa lại nói thêm: 'Anh vừa mới hiến tặng cho Giáo đoàn, thì tại đây cũng xin hiến tặng lại anh, nhưng đó chỉ gọi là một chút quà báo hiện tại, chắc chắn trong những kiếp tới phước đức quả báo của anh sẽ vô lượng'.

*** Sự cúng dường của Ma Ha Ca Diếp (Maha Kasyapa)**

Ca Diếp có nghĩa là Âm Quang, vì thân hình của ngài lúc nào cũng tỏa ra ánh sáng rực rỡ và trang nghiêm. Do nhân duyên nào mà được như thế? Trong một tiền kiếp quá khứ xa xưa vào thời Đức Phật Tỳ Bà Thi (Vipasyin), lúc đó tôn giả Ca Diếp tiền thân là một thợ

bạc chuyên đúc tượng. Một ngày nọ, có một thiếu nữ nghèo vào tiệm trên tay mang theo một thoi vàng, nhờ ông đúc một pho tượng Phật. Người thợ bạc thấy thế liền hỏi : " Vàng ở đâu mà cô có? " Thiếu nữ trả lời : " Trên đường đi lễ Phật về đã nhặt được."

Người thợ bạc lấy làm ngạc nhiên hỏi : " Tôi thấy cô nghèo khổ quá, không đủ cơm ăn, áo mặc, sao cô không đem vàng này bán đi để chi dụng cho cuộc sống mà lại đem đúc tượng Phật? "

Thiếu nữ nói : "Vi tôi có phát lời nguyện tại chùa là nếu có đủ thuận duyên thì tôi sẽ đúc một pho tượng Phật bằng vàng để cho chúng sinh chiêm ngưỡng lễ bái. Và hôm nay làm được như vậy là tôi mãn nguyện lắm rồi, không còn mong cầu chi khác hơn."

Cảm động trước sự phát tâm bố thí cúng dường quá rộng lớn của thiếu nữ, người thợ bạc cũng phát tâm : " Được, tôi sẽ đúc cho cô pho tượng Phật này và tôi cũng xin nguyện cúng dường không lấy tiền công."

Do nơi công đức bố thí và cúng dường này mà chín mươi một kiếp sau, hai người sinh ra lúc nào thân hình lúc nào cũng trong sáng trang nghiêm và gặp được nhiều thiện hữu tri thức, cho đến kiếp sau cùng sinh vào nước Ấn Độ gặp Phật Thích Ca xuất gia học đạo đồng chứng quả A La Hán.

2) Pháp thí

Thế nào là pháp thí?

Được xem là pháp thí gồm có:

1. Tất cả những lời nói chân thật, hữu ích có thể đem lại an lạc cho người nghe.
2. Giảng dạy chánh pháp của đức Phật (Buddhadharma).
3. Giảng dạy ba Tạng pháp: Kinh (Sùtra), Luật (Vinaya) và Luận (Abhidharma).
4. Giảng dạy cho người biết hai pháp: Thanh văn (Sravaka) và Bồ Tát (Bodhisattva).

Nghi vấn: Tại sao Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) cũng giảng dạy ba Tạng pháp, pháp Thanh văn và Bồ Tát mà lại bị đọa xuống Địa ngục? Lý do tại sao?

Ai cũng biết Đề Bà Đạt Đa là người chuyên môn ganh đua tìm cách hại đức Phật, lại còn hay chia rẽ phá rối sự hòa hợp của Tăng đoàn. Ngoài hai trọng tội này ra, Đề Bà Đạt Đa lại còn tạo rất nhiều tội về tà kiến. Sự giảng dạy thuyết pháp của Đề Bà Đạt Đa không phải là một sự bố thí Pháp trong sạch, nhằm cầu sự giải thoát, mà là cầu danh, cầu lợi, cầu sự kính trọng, ... Chính vì sự Pháp thí không trong sạch này nên Đề Bà Đạt Đa chẳng gặp hái được công đức nào, và vẫn bị xuống địa ngục như thường.

* Pháp thí không chân chính là giảng dạy những giáo pháp của ngoại đạo, không đưa con người đến sự giải thoát sinh tử luân hồi (như dạy xuất hồn, dạy làm bùa phép, v...v...)

* Pháp thí chân chính là giảng dạy những giáo pháp đưa con người đến giải thoát rốt ráo của Niết Bàn (Nirvana).

3) Vô úy thí

Vô úy thí có nghĩa là bố thí sự không sợ hãi, tức là làm cho người khác được an tâm yên chí, không sợ gì cả.

Theo nguồn gốc Kinh tạng nguyên thủy (Anguttara, Itivuttaka) thì chỉ có hai loại Bồ thí, đó là Tài thí và Pháp thí. Nhưng theo giáo lý Đại thừa (Mahayana), có thêm vào một loại bồ thí thứ ba là Vô úy thí.

Theo ý kiến cá nhân, thì tôi thấy Vô úy thí nằm trong Tài thí hoặc Pháp thí. Vì sao? Vì khi bố thí, tức là cho, thì có hai cách: một là cho bằng hành động, hai là cho bằng lời nói. Nếu bằng hành động thì đó thuộc Tài thí, còn nếu bằng lời nói thì đó thuộc Pháp thí.

Thí dụ:

* Nếu có một người đi đường ban đêm sợ cướp giết, thấy thể ta liền đi theo bảo vệ cho người đó hết sợ. Ta gọi đó là Vô úy thí. Nhưng hành động đi theo của ta chính là thân thí (có nghĩa là vác cái thân của ta đi theo người đó), vậy tức là thuộc tài thí rồi.

* Nếu có người sợ chết, sợ xuống địa ngục, ta liền đem giáo lý an ủi họ, chỉ cho họ làm lành hoặc biết niệm Phật thì sau khi chết sẽ về Cực Lạc. Nhờ đó họ không còn sợ chết nữa. Ta gọi đó là vô úy thí. Nhưng những lời lẽ mà ta an ủi họ, đó chính là Pháp thí rồi.

Ta không thể nào tự nhiên làm cho người khác hết sợ hãi được. Ta phải làm một cái gì đó (một lời nói, một sự hiện diện, một sự an ủi, một sự giúp sức,...) cho người ấy thì người ấy mới hết sợ (vô úy) được. Sự hết sợ chính là kết quả của Tài thí hoặc Pháp thí. Vì vậy Vô úy thí không thể được xem là một loại bồ thí riêng biệt không tùy thuộc gì nơi hai sự bố thí kia cả (Tài và Pháp thí).

*** Thế nào là vô úy thí chân chính?**

Vô úy thí chân chính hay không chân chính đó là tùy thuộc ở Tài thí và Pháp thí có chân chính hay không? Thí dụ:

- Có một người sợ chết. Ta bảo họ đừng sợ, cứ lo niệm Phật, ăn chay, làm phước, đến khi chết sẽ về Cực Lạc. Thế rồi họ nghe theo và hết sợ chết. Đó là vô úy thí chân chính.

- Cũng cùng một người, nếu ta bảo họ đừng sợ chết, vì chết là hết, không có gì phải lo cả, không có địa ngục, không có thiên đàng. Nếu họ tin ta mà không sợ chết nữa, thì đó là Vô úy thí không chân chính (vì ta dạy họ chấp đoạn).

4. So sánh ba loại Bồ thí

Vì thấy Vô úy thí nằm trong Tài thí hoặc Pháp thí nên ở đây tôi chỉ so sánh Tài thí với Pháp thí thôi.

Đa số chúng ta ai cũng biết trước là Pháp thí quý hơn Tài thí. Chính đức Phật đã nói: 'Trong hai loại Bồ thí này, thì Pháp thí là trên' (Anguttara I). Vì sao? Vì nhiều lý do:

- Phước báo của Tài thí vẫn thuộc cõi Dục giới (Kāmadhatu) còn phước báo của Pháp thí có thể nằm trong ba cõi (Traidhātuka) hoặc ngoài ba cõi.

- Sự Bồ thí tài (tiền của, đồ vật) có giới hạn, còn sự Bồ thí Pháp không có giới hạn (apramāna), vì tiền cho lâu rồi cũng hết, còn giáo pháp cho hoài không bao giờ hết.

- Quả báo của Tài thí còn thuộc về hữu lậu, trong khi quả báo của Pháp thí thuộc vô lậu.

- Bồ thí tài cần phải đòi hỏi nhiều sức lực, ra công trong khi bồ thí pháp chỉ cần sự thông minh và trí tuệ.

- Chi có bố thí Pháp mới có thể gặt hái được những phước báo giống như các hàng Thanh Văn (Sravaka), Bích chi Phật (Pratyekabuddha) hay Bồ Tát (Bodhisattva).

- Chi có bố thí Pháp mới có thể dẫn người khác đến con đường giác ngộ (Bodhimarga).

- Ta có thể thực hành Tài thí trong bất cứ thời đại (Kalpa) nào, dù có Phật hay không có Phật ở đời. Ngược lại, chỉ trong thời đại có một đức Phật ra đời ta mới có thể thực hiện Pháp thí được. Vì thế Pháp thí hiếm hơn Tài thí.

Ta có thể nêu ra nhiều lý do nữa, nhưng tóm lại bố thí Pháp sẽ gặt hái được nhiều công đức hơn bố thí tài.

III. Trên phương diện người nhận hay ruộng phước

Tại sao lại gọi người nhận (pratigrāhaka) ruộng phước (punyaksetra)? Tại vì chính ở nơi họ mà ta gieo hạt giống phước đức nên gọi là ruộng phước. Nhờ có họ mà ta mới thực hiện được sự Bố thí.

Có hai loại ruộng phước:

1) Ruộng phước nhỏ (Karunāpunyaksetra) : Vì lòng thương hại (karunā) người nhận nên ta phát tâm bố thí. Những hạt giống thương hại sẽ cho ra những cây lúa nhỏ, nên gọi là ruộng phước nhỏ.

2) Ruộng phước lớn (satkārapunyaksetra) : Vì có tâm kính trọng (satkāra) người nhận nên ta phát tâm bố thí. Những hạt giống kính trọng sẽ cho ra những cây lúa lớn, nên gọi là ruộng phước lớn.

* Sự Bố thí của vua A Dục (Asoka)

Một hôm đức Phật đi tản bộ cùng với ngài A nan trên thành Vương Xá (Rājagṛha). Đến một quãng đường có hai trẻ nhỏ Jaya và Vijaya đang vui đùa lấy đất sét nắn thành những cái nhà nhỏ. Khi thấy đức Phật đến gần, chúng rất vui mừng hơn hờ. Jaya lấy đất sét nắn thành một cái bánh, thành kính cúi đầu cúng dâng cho đức Phật, còn Vijaya lúc đó cũng chấp hai tay lại cúi lạy theo bạn. Jaya, trong lúc cúng dường cái bánh đất, phát nguyện rằng sau này sẽ làm vua an trị cả một thế giới, rồi em tụng lên một bài kệ cúng dường đức Phật. Đức Phật hoan hỷ đưa tay đón nhận cái bánh đất của em và mỉm cười. Thấy đức Phật mỉm cười, ngài A nan lấy làm lạ nên hỏi lý do, và đức Phật trả lời rằng: 'Một trăm năm, sau khi ta nhập Niết Bàn, đứa bé này sẽ là một vị Chuyển luân thánh vương (Cakravartin) trông coi một trong bốn châu thiên hạ, và trong thành phố Kusumapura (Pāṭaliputra), nó sẽ làm một vị minh vương tên là A Dục (Asoka). Sau khi chia phát những xá lợi của ta xong, nó sẽ xây cất 84.000 bảo tháp để làm lợi ích cho muôn loài'.

Sự tích trên cho ta thấy ý nghĩa phước báo của một sự bố thí với lòng kính trọng người nhận, tức ruộng phước lớn.

* Sau khi phân tách tử mi, đi sâu vào chi tiết từng loại bố thí, ta có thể tóm tắt lại như sau:

Một sự bố thí được xem là trong sạch và đem lại phước đức quả báo vô lượng vô biên cần phải có ba yếu tố sau đây:

- 1) Người bố thí phải có tâm trong sạch.
- 2) Vật được thí phải chân chính.
- 3) Người nhận phải được kính trọng tối đa.

5. Bồ thí ba la mật

Thế nào gọi là Bồ thí Ba La Mật?

Về Bồ thí (Dàna) thì chúng ta đã được trình bày trong các phần trước rồi. Bây giờ chúng ta tìm hiểu chữ Ba La Mật (paramitā).

Paramitā dịch âm là Ba La Mật Đa. Nhưng ở đây chúng ta nói tắt là Ba La Mật (parami). 'Para' có nghĩa là bờ bên kia, 'mi' có nghĩa là đi đến. Bồ thí Ba La Mật có nghĩa là băng qua con sông Bồ thí (dānādi) và đến được bờ bên kia. Chữ 'đến được bờ bên kia' quan trọng lắm. Vì sao? Vì có nhiều khi ta bắt đầu qua sông, nhưng đến nửa đường ta lại quay trở về, đó không gọi là Ba La Mật.

1. Ngoài ra 'bờ bên này' còn có nghĩa là bờ tham lam, bòn xén, con sông là sự Bồ thí, 'bờ bên kia' là bờ đại bi (mahakarunā).
2. 'Bờ bên này' là bờ tà kiến chấp trước (mithyādrsti), 'bờ bên kia' bờ Trí huệ (prajñā).
3. 'Bờ bên này' là bờ sanh tử luân hồi (Samsāra), 'bờ bên kia' là bờ Niết Bàn giải thoát (Nirvāna).
4. Ngoài ra, Bồ Tát khi Bồ thí thấy rằng sự Bồ thí không sanh, không diệt, không có thiệt, tức là không thấy có người cho, vật được cho, và người nhận, đó gọi là Bồ thí Ba La Mật.

Ở chỗ này ta nên dừng lại, phân tách một chút, vì đa số chúng ta đều lầm lẫn cho rằng mình Bồ thí Ba La Mật nhưng thực sự thì không phải vậy. Ta thường được nghe giảng trong Kinh Kim Cang nói rằng Bồ thí mà không phải Bồ thí thì mới thực là Bồ thí, hoặc Bồ thí mà không chấp nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả mới thực là Bồ thí, hoặc Bồ thí mà không thấy ta là người cho, đây là vật được cho, và kia là người nhận mới là Bồ thí, v...v...

Chữ Bồ thí mà 'không thấy' ở đây không có nghĩa là Bồ thí mà nhắm mắt lại để khỏi thấy, hoặc Bồ thí mà tâm không dám nghĩ gì hết. 'Không thấy' ở đây là kết quả của một sự quán chiếu nhân duyên thấy được các pháp không có tự tánh. Vì thấy các pháp không có tự tánh nên thấy sự Bồ thí không có tự tánh. Như ta đã xem qua ở các phần trước, Bồ thí không thể là một cái gì tự nhiên có được, phải có đầy đủ ba yếu tố (người cho, vật cho, người nhận) hợp lại mới có nó. Nếu thiếu một trong ba thì không thể có sự Bồ thí. Do đó Bồ thí không có thiệt, nó chỉ là giả danh của một hợp thể (yếu tố). Xa hơn nữa, ba yếu tố vừa kể trên, chúng cũng lại là giả danh của một hợp thể nào đó. Như người cho và người nhận là giả danh của hợp thể ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), đồ vật được cho là giả danh của một hợp thể vô số chất liệu. Và cứ thế ta quán chiếu để thấy không có một yếu tố nào có thực tướng, nó hiện hữu vì vô số các yếu tố khác hiện hữu. Thấy được như vậy gọi là thấy 'Không' (sūnya). Đem áp dụng cái thấy 'Không' vào sự Bồ thí ta sẽ thấy không có cái gì thực sự là Bồ thí cả, mà chỉ có một sự biến chuyển, diễn tiến, sinh diệt của vô số nhân duyên, đây gọi là Bồ thí Ba La Mật.

Chúng ta nên cẩn thận, đừng vội vã hấp tấp thực hành 'Bồ thí Không', nếu ta chưa thực sự hiểu được 'tánh Không' (Sūnyatā), hay thấy được sự duyên khởi của các pháp. Tốt hơn là ta nên thực hành sự Bồ thí trong sạch như đã nói ở phần trước. Còn nếu ta cố chấp cứ muốn Bồ thí theo kiểu (hiểu lầm) Kim Cang, tức là nhắm mắt để khỏi thấy ta, thấy vật, thấy người, hoặc Bồ thí mà tâm không nghĩ gì cả thì đó chẳng khác gì một người máy 'Rô bô' cầm hộp bánh Bồ thí cho một em bé. Đó gọi là Bồ thí Rô bô máy, chứ không phải là Bồ thí Ba La Mật ! Dĩ nhiên là Rô bô chả được phước báo gì hết !

* Bồ Tát thực hiện Bồ thí Ba La Mật ra sao?

- Bồ Tát thực hiện tất cả các loại Bồ thí trong sạch, Tài thí, Nội thí, Ngoại thí, Pháp thí không bao giờ hối tiếc.

- Bồ Tát Bồ thí một cách bình đẳng với tất cả mọi loài, không bao giờ nghĩ rằng:

- Phải bố thí cho người lớn chứ không cho trẻ em.
- Phải bố thí cho người tu hành chứ không cho người thường.
- Phải bố thí cho người chứ không cho thú vật.
- Phải bố thí cho Hòa Thượng chứ không cho chú tiểu.
- Bồ Tát bố thí không cầu được phước báo.
- Bồ Tát bố thí không kể ngày hay đêm, mùa đông hay mùa hè, trời tốt hay trời xấu.
- Bồ Tát bố thí để thực hiện thực tướng (bhùtalaksana) của sự bố thí.

-oOo-

Xem tiếp:

[\[Phần II\]](#) [\[Mục lục\]](#)

Source: *Phat-Hoc*, <https://www.phathoc.org/>, and *LotusNet*, <https://www.lotuspro.net/>

[\[Main Index\]](#)

Last updated: 04-06-2000

Web master: binh_anson@yahoo.com
binh_anson@hotmail.com